

Bản án số: 23/2026/HS-PT
Ngày 06/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu.

Ông Nguyễn Văn Lâm.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Trần Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 269/2025/TLPT-HS ngày 30/12/2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7-Hải Phòng.

- **Bị cáo không kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1994 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn C, xã Q, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Khu phố C, xã V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T1 và bà Phạm Thị C; có chồng là Đỗ Văn D và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. Nguyễn Thị N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2000 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T1 và bà Phạm Thị C; có chồng là Tô Tiến Q (đã ly hôn), chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

3. Đỗ Văn D, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1986 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn C, xã Q, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Khu phố C, xã V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P và bà Đoàn Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị T và có 04 con (trong đó có 02 con chung với vợ

là Nguyễn Thị T và 02 con riêng); tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn C, xã V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại:

1. Ông Lê Hiếu .

2. Bà Nguyễn Minh N1.

3. Bà Thân Thị Vương Kiều T3 - Điều thuộc Công ty Luật TNHH Hiếu

Hùng thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Ông H, bà T3 có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị C, chị Nguyễn Thị Kim L1 và chị Nguyễn Thanh H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 24/11/2024, chị Nguyễn Thị O đi đến nhà ông Nguyễn Trọng T1 ở thôn A, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng (nay là thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng) để tìm anh Nguyễn Văn Đ đòi nợ. Do không tìm được anh Đ nên chị O có đi lại trên khu đất nhà ông T1. Chị O vừa chửi vừa nói về chuyện Nguyễn Thị N (là con gái ông T1) thấy người khác có đất đai nên giả vờ có bầu với họ để lừa làm đám cưới, sau đó không được cưới thì chơi ma túy và ngủ tập thể với nhiều người. Thấy vậy, Đỗ Văn D (là con rể ông T1) và N cãi chửi nhau với chị O. Được khoảng 03 phút sau, Nguyễn Thị T (là vợ của D và là chị ruột của N) đến, dùng tay tát vào mặt chị O làm điện thoại của chị O rơi xuống đất. Chị O đánh lại T. N đứng ngoài dùng tay kéo chị O lại và đánh vào vùng đầu của chị O. D đứng bên cạnh nói “đánh chết mẹ nó đi”, kích động cho T và N đánh chị O. Chị O bị ngã ngửa ra sân, T ngồi lên trên bụng chị O, vừa chửi vừa dùng tay đánh nhiều lần vào mặt, đầu của chị O còn N ngồi bên trái giữ tay của chị O cho T đánh. Sau đó, N bỏ tay chị O ra và đứng dậy, còn T cầm 01 viên bê tông nhỏ dạng hình tròn, đường kính khoảng 04cm, dày khoảng 01cm đánh vào mặt chị O. Thấy chị O túm tóc của T, D đứng cạnh dùng chân đá vào đầu chị O làm chị O choáng và bỏ tay ra khỏi đầu T. D dùng chân phải giẫm lên tay trái của chị O, dùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro của D đánh vào tay phải của chị O. Mọi người có mặt ở đó can ngăn nên sự việc dừng lại. Hậu quả làm chị O bị thương phải đi điều trị tại Bệnh viện Đ1 - Vĩnh Bảo từ ngày 24/11/2024 đến ngày 27/11/2024 thì xuất viện. Sau đó, chị O làm đơn trình báo đến Công an huyện V.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 891/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 06/12/2024 của Trung tâm P1 kết luận về thương tích của chị O: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị O tại thời điểm giám định là 06%, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết xây xước da vùng má phải gây nên là 03%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết xây xước da vùng má trái gây nên là 03%; vết xây xước da vùng góc hàm trái và 04 vết xây xước da vùng mu bàn tay phải đóng vảy chưa khô chưa rõ sẹo nên không có căn cứ đánh giá tỷ lệ phần trăm*

tổn thương cơ thể. Đề nghị cơ quan Cảnh sát điều tra cho giám định bổ sung sau; các vết bầm tím vùng trán trái, sau tai trái, mặt sau trong cánh tay phải, mặt sau cổ bàn tay trái không tổn thương xương sẽ khỏi hoàn toàn, không tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày (tay chân cũng là vật tày) tác động trực tiếp gây nên. Các thương tích trên nếu không được cấp cứu kịp thời cũng không ảnh hưởng đến tính mạng nạn nhân.

Ngày 11/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V trung cầu Trung tâm Pháp y thành phố P1 giám định bổ sung thương tích của chị O. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 939/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 13/12/2024 của Trung tâm P1 kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị O tại thời điểm giám định là 07%; trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo 01 vết xây xước da vùng mu bàn tay phải gây nên là 01%. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 891/2024/KLTTCT-TTPYHP xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị O tại thời điểm giám định là 06%.*

Ngày 24/4/2025, chị O có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, yêu cầu khởi tố bị can đối với T, N và D về tội Cố ý gây thương tích.

Kết luận giám định số 9407/KL-KTHS ngày 04/4/2025 của V Bộ C1 kết luận giám định về video thu được từ hệ thống camera của gia đình ông T1 như sau: *Không xác định được tệp video gửi giám định có cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hay không do hình ảnh tại các thời điểm không liên tục (không xác định được nguyên nhân). Đã trích xuất và mô tả nội dung sự việc trong khoảng thời gian từ 09:54:00 đến 10:18:00 ngày 24/11/2024 của tệp video gửi giám định thành văn bản. Chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo.*

Về tài liệu, đồ vật bị thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 USB bên trong chứa tệp video ghi lại nội dung vụ án do anh Đ giao nộp (sau khi giám định, chiếc USB được niêm phong lại trong 01 chiếc phong bì riêng và được đánh số bút lục lưu tại hồ sơ vụ án) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro mà D sử dụng để gây thương tích cho chị O. Đối với viên bê tông T sử dụng để đánh chị O, do T đã làm rơi trong quá trình đánh nhau, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, chị O yêu cầu các bị cáo T, D và N phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng; các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này nhưng chị O không chấp nhận vì lý do chưa tính được chi phí làm thẩm mỹ đối với những vết sẹo trên mặt. Trước khi mở phiên tòa, chị O rút yêu cầu bồi thường thiệt hại do không tìm thấy chứng từ, hóa đơn điều trị; đề nghị Tòa án tách phần dân sự, không giải quyết trong cùng vụ án này; khi nào có tài liệu, chứng cứ, chị sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của chị O không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về bồi thường thiệt hại để chị O khởi kiện bằng vụ án dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7-Hải Phòng quyết định:

Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 36, các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt:

- Nguyễn Thị T 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

- Đỗ Văn D 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

- Nguyễn Thị N 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chấp hành án, chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2025, bị hại Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt cho bị cáo và kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại, Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại 350.000.000đ.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134; Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt Nguyễn Thị T 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, Đỗ Văn D 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Thị N 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án và M khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo là có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm, đại diện bị hại, các bị cáo không xuất trình các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Về án phí: Bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/11/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 7-Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án, ngày 02/12/2025 bị hại có đơn kháng cáo là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134; Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo, bị hại kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo và kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại.

[3] Xét kháng cáo của bị hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với tính chất hành vi và nhân thân của các bị cáo.

[4] Tại giai đoạn phúc thẩm, đại diện bị hại và luật sư bảo vệ cho bị hại xác định các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và có tổ chức, tuy nhiên căn cứ vào hồ sơ vụ án HĐXX phúc thẩm xét thấy trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi; các bị cáo không có sự thống nhất bàn bạc từ trước nên không xác định các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ và có tổ chức. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T khi thực hiện hành vi phạm tội, T là người thực hành tích cực, dùng viên bê tông đánh vào mặt bị hại, vết thương chính là do bị cáo gây ra nên đánh giá bị cáo có vai trò chính trong vụ án, HĐXX sơ thẩm xử phạt Nguyễn Thị T 15 tháng cải tạo không giam giữ là chưa đánh giá đúng vai trò của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại sửa phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T và giữ nguyên phần hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại không yêu cầu giải quyết trong vụ án vì cho rằng sau này có đủ căn cứ sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác nên cấp sơ thẩm không giải quyết trong vụ án này là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại và luật sư bảo vệ cho bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại 350.000.000đ tuy nhiên do trách nhiệm dân sự không được giải quyết trong bản án sơ thẩm nên HĐXX phúc thẩm căn cứ Điều 345 không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị hại được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị O về hình phạt; không chấp nhận kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 27/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hải Phòng như sau:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N phạm tội Cố ý gây thương tích.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, Điều 36, các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N; Xử phạt:

- Đỗ Văn D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

- Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo Đỗ Văn D cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục; Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự, như sau:

Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết trong vụ án này.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro đã qua sử dụng, thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 10 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Văn D và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQTHAHS - CATPHP;
- CQCSĐT - CATPHP;
- TAND Khu vực 7 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trường